



SỞ Y TẾ HƯNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên

Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên

ĐT: 02273.832.639 - Email: khoa\_xncdchy@gmail.com

Số: 1161 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 05/06/2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N17/26/05/26

Vị trí lấy mẫu: Tại vòi phát

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiến - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 26 tháng 05 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 26 tháng 05 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

### II. Kết quả phân tích:

#### 1. Chỉ tiêu hóa lý:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm                                                               | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị | Kết quả                   | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------|---------------------------|--------------------|
| 1. | Màu sắc (*)                                                                       | SMEWW2120C:2023        | TCU    | $< 0,3^{(b)}$             | 15                 |
| 2. | Mùi                                                                               | SMEWW2150:2023         | -      | Không có mùi lạ           | Không có mùi lạ    |
| 3. | Độ đục (*)                                                                        | TCVN 12402-1:2020      | NTU    | 0,72                      | 2                  |
| 4. | Độ pH (*)                                                                         | TCVN 6492 : 2011       | -      | 7,30                      | 6,0 - 8,5          |
| 5. | Hàm lượng Clo dư                                                                  | TCVN6225-2:2021        | mg/L   | 0,49                      | 0,2 - 1,0          |
| 6. | Hàm lượng Asen (As) (*)                                                           | SMEWW3114B:2023        | mg/L   | $< 0,3 \times 10^{-3(b)}$ | 0,01               |
| 7. | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) (*) | TCVN 6179-1:1996       | mg/L   | $< 0,01^{(b)}$            | 1                  |
| 8. | Chỉ số pecmanganat (*)                                                            | TCVN 6186 : 1996       | mg/L   | 0,640                     | 2                  |

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm     | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị    | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------|------------------------|-----------|---------|--------------------|
| 1. | Coliform <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |
| 2. | E.coli <sup>(*)</sup>   | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)



Phạm Nam Thái

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM  
CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
**TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT**

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên  
Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên  
ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1162 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 05/06/2026

## KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

### I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt

Nhận diện mẫu: N18/26/05/26

Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Ngô Văn Bình - 89 Phố Nguyễn Trung Ngạn - Ân Thi - Tỉnh HY

Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác

Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi

Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên

Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty

Ngày gửi mẫu: Ngày 26 tháng 05 năm 2026

Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 26 tháng 05 năm 2026

Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh

### II. Kết quả phân tích:

#### 1. Chỉ tiêu hóa lý:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm                                                              | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị | Kết quả                    | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|----------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------|----------------------------|--------------------|
| 1. | Màu sắc (*)                                                                      | SMEWW2120C:2023        | TCU    | < 0,3 <sup>(b)</sup>       | 15                 |
| 2. | Mùi                                                                              | SMEWW2150:2023         | -      | Không có mùi lạ            | Không có mùi lạ    |
| 3. | Độ đục (*)                                                                       | TCVN 12402-1:2020      | NTU    | 1,34                       | 2                  |
| 4. | Độ pH (*)                                                                        | TCVN 6492 : 2011       | -      | 7,34                       | 6,0 - 8,5          |
| 5. | Hàm lượng Clo dư                                                                 | TCVN6225-2:2021        | mg/L   | 0,46                       | 0,2 - 1,0          |
| 6. | Hàm lượng Asen (As)(*)                                                           | SMEWW3114B:2023        | mg/L   | <0,3 x 10 <sup>-3(b)</sup> | 0,01               |
| 7. | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N)(*) | TCVN 6179-1:1996       | mg/L   | < 0,01 <sup>(b)</sup>      | 1                  |
| 8. | Chỉ số pecmanganat(*)                                                            | TCVN 6186 : 1996       | mg/L   | 0,704                      | 2                  |

**Lưu ý:** - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm     | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị    | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------|------------------------|-----------|---------|--------------------|
| 1. | Coliform <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |
| 2. | E.coli <sup>(*)</sup>   | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC



Phạm Nam Châu

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CĐHA - TDCN

Ths. Phạm Thị Thu Hà

Ths. Phạm Thị Thu Hà

ISO/IEC 17025

LABORATORY

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước



SỞ Y TẾ HUNG YÊN  
TRUNG TÂM KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

Cơ sở 1: Đường Hải Thượng Lãn Ông, Phường Phố Hiến, Tỉnh Hưng Yên  
Cơ sở 2: Số 113, Đường Nguyễn Tông Quai, Phường Trần Lãm, Tỉnh Hưng Yên  
ĐT: 02273.832.639 - Email: khoaxncdchy@gmail.com

Số: 1163 /2026/KQTN-XN

Ngày trả kết quả: 05/06/2026

KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM

I. Lý lịch mẫu:

Tên mẫu: Nước sinh hoạt  
Nhận diện mẫu: N19/26/05/26  
Vị trí lấy mẫu: HGD Ông Vũ Văn Thắng - Phó Bùi Thị Cúc - Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên  
Mô tả mẫu: Mẫu được đựng trong chai nhựa, chai thủy tinh đầy nắp kín, có nhãn mác  
Nơi gửi mẫu: Nhà Máy Cấp Nước Ân Thi  
Địa chỉ: Thôn Hoàng Cả - Xã Ân Thi - Tỉnh Hưng Yên  
Người gửi mẫu: Phạm Thanh Hiền - Nhân viên công ty  
Ngày gửi mẫu: Ngày 26 tháng 05 năm 2026  
Mẫu gửi đến phòng thử nghiệm: Ngày 26 tháng 05 năm 2026  
Yêu cầu thử nghiệm: 08 chỉ tiêu hóa lý và 02 chỉ tiêu vi sinh



II. Kết quả phân tích:

1. Chỉ tiêu hóa lý:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm                                                                          | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị | Kết quả                    | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|----------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------|--------|----------------------------|--------------------|
| 1. | Màu sắc (*)                                                                                  | SMEWW2120C:2023        | TCU    | < 0,3 <sup>(b)</sup>       | 15                 |
| 2. | Mùi                                                                                          | SMEWW2150:2023         | -      | Không có mùi lạ            | Không có mùi lạ    |
| 3. | Độ đục (*)                                                                                   | TCVN 12402-1:2020      | NTU    | 1,52                       | 2                  |
| 4. | Độ pH (*)                                                                                    | TCVN 6492 : 2011       | -      | 7,47                       | 6,0 - 8,5          |
| 5. | Hàm lượng Clo dư                                                                             | TCVN6225-2:2021        | mg/L   | 0,43                       | 0,2 - 1,0          |
| 6. | Hàm lượng Asen (As) <sup>(*)</sup>                                                           | SMEWW3114B:2023        | mg/L   | <0,3 x 10 <sup>-3(b)</sup> | 0,01               |
| 7. | Hàm lượng Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> <sup>+</sup> tính theo N) <sup>(*)</sup> | TCVN 6179-1:1996       | mg/L   | < 0,01 <sup>(b)</sup>      | 1                  |
| 8. | Chỉ số pecmanganat <sup>(*)</sup>                                                            | TCVN 6186 : 1996       | mg/L   | 0,704                      | 2                  |

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước

2. Chỉ tiêu vi sinh:

| TT | Chỉ tiêu thử nghiệm     | Phương pháp thử nghiệm | Đơn vị    | Kết quả | QCVN 01-1:2024/BYT |
|----|-------------------------|------------------------|-----------|---------|--------------------|
| 1. | Coliform <sup>(*)</sup> | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |
| 2. | E.coli <sup>(*)</sup>   | TCVN 6187-1:2019       | CFU/100ml | KPH     | < 1                |

Ghi chú: KPH - Không phát hiện

(a): Giá trị giới hạn định lượng của phương pháp thử (LOQ)

(b): Giới hạn phát hiện của phương pháp thử (LOD)

GIÁM ĐỐC

TRƯỞNG KHOA XÉT NGHIỆM

CDHA - TDCN



Ths. Phạm Thị Thu Hà

ISO/IEC 17025  
LABORATORY

Lưu ý: - Các kết quả thử nghiệm ghi trong phiếu này chỉ có giá trị đối với mẫu thử nghiệm

- Không được trích dẫn một phần phiếu kết quả thử nghiệm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Hưng Yên.
- Tên mẫu, tên khách hàng được ghi theo yêu cầu của nơi gửi mẫu
- Giải quyết thắc mắc, khiếu nại trong 07 ngày kể từ ngày trả kết quả ghi trên phiếu kết quả kiểm nghiệm
- \* Chỉ tiêu được công nhận ISO/IEC 17025:2017
- \*\* Chỉ tiêu sử dụng nhà thầu phụ
- \*\*\* Chỉ tiêu/phép thử được chỉ định phục vụ quản lý nhà nước